BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: Công nghệ thông tin **Khoá đào tạo: 2023**
Trình độ đào tạo: Đại học **Hình thức đào tạo: Chính quy**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5855 /QĐ-ĐHĐT ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ TC		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
A. Kiến thức giáo dục đại cương			**36**						
I. Giáo dục quốc phòng			**11**						
1	GE4165	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam*	3	45					1
2	GE4150	Công tác quốc phòng, an ninh*	2	30			GE4165		2
3	GE4166	Quân sự chung*	2	14	16		GE4165		3
4	GE4167	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật*	4	4	56		GE4165		4
II. Giáo dục thể chất			**3**						
2.1. Học phần bắt buộc			**1**						
1	GE4306	Giáo dục thể chất 1*	1		30				1
2	GE4334	Giáo dục thể chất 2* (Bơi lội)	1		30		GE4306		2
2.2. Học phần tự chọn (chọn ít nhất 2TC)			**2**						
1	GE4335	Bóng đá*	1		30		GE4306		3
2	GE4336	Bóng chuyền*	1		30		GE4307		3
3	GE4337	Cầu lông*	1		30		GE4308		3
4	GE4338	Võ thuật Vovinam*	1		30		GE4309		3
5	GE4339	Võ thuật Karatedo*	1		30		GE4310		3
6	GE4340	Cờ vua*	1		30		GE4311		3
7	GE4341	Bóng bàn*	1		30		GE4312		3
8	GE4342	Bóng ném*	1		30		GE4313		3
9	GE4343	Bóng rổ*	1		30		GE4314		3
10	GE4344	Tennis (Quần vợt)*	1		30		GE4315		3
11	GE4345	Đá cầu*	1		30		GE4316		3
III. Đại cương chung			**22**						
3.1. Đại cương chung bắt buộc			**14**						
1	IN4530	Nhập môn ngành Công nghệ thông tin	1	15					1
2	GE4091	Triết học Mác - Lênin	3	45					1
3	GE4092	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30			GE4091		2
4	GE4039	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	30					1
5	GE4056	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30			GE4092		3
6	GE4093	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30			GE4056		3
7	GE4094	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30			GE4092		4
3.2. Đại cương chung tự chọn			**8**						
1	IN4528	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2	15	30				1
2	IN4008	Kế toán đại cương	2	30					4
3	IN4168	Chuyên đề Luật CNTT, An ninh mạng, Sở hữu trí tuệ	1	15					5
4	IN4163N	Khởi nghiệp	2	15	30				6
5	IN4164	Kỹ năng tìm kiếm việc làm	1	15					6
6	IN4174N	Hệ thống thông tin địa lý (GIS)	2	15	30		IN4105		6
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			**98**						
I. Kiến thức cơ sở ngành			**28**						
1	IN4017	Toán rời rạc	3	45					1
2	IN4012N	Lập trình căn bản	3	30	30				1
3	IN4219	Xác suất thống kê cho tin học	2	30					1
4	IN4009N	Kiến trúc máy tính và hợp ngữ	2	25	10		IN4020		2
5	IN4019N	Lý thuyết đồ thị	2	30			IN4017		2
6	IN4307	Đại số tuyến tính	2	30					2
7	IN4002	Cấu trúc dữ liệu và Giải thuật	3	30	30		IN4012N		2
8	IN4121	Lập trình hướng đối tượng	3	30	30		IN4002		3
9	IN4005N	Hệ điều hành	2	25	10		IN4009N		3

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ TC		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
10	IN4126N	Lý thuyết thông tin	2	30					3
11	IN4128P	Ngôn ngữ lập trình JAVA	2	15	30		IN4121		4
12	IN4040	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30					5
II. Kiến thức chuyên ngành			**49**						
2.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc			**25**						
1	IN4303	Lắp ráp và cài đặt máy tính	2	20	20				2
2	IN4107	Cơ sở dữ liệu	3	30	30		IN4020 IN4528		2
3	IN4229	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	2	30			IN4107		3
4	IN4304	Lập trình Python và ứng dụng	3	30	30		IN4121		4
5	IN4305	Kỹ nghệ phần mềm	2	30			IN4229		4
6	IN4150N	Nhập môn trí tuệ nhân tạo	3	30	30		IN4019N		4
7	IN4227	Nhập môn Mạng máy tính	2	25	10		IN4009N		4
8	IN4146	Thiết kế và cài đặt mạng máy tính	3	30	30		IN4227		5
9	IN4119N	Lập trình .NET (C#)	3	30	30		IN4107 IN4121		5
10	IN4527	Niên luận công nghệ thông tin	2		60		IN4119N IN4309N IN4211		7
2.2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn			**24**						
1	IN4506	Thiết kế đồ họa	2	15	30				1
2	IN4014	Phương pháp tính	2	30					2
3	IN4524	Cơ sở dữ liệu thời gian	2	30			IN4107		3
4	IN4102N	Bảo trì hệ thống máy tính	3	30	30		IN4303		3
5	IN4300	Ngoại ngữ chuyên ngành	3	45					4
6	IN4101	Bảo mật thông tin	2	30			IN4126N IN4307		4
7	IN4130	Nguyên lý ngôn ngữ lập trình	2	30			IN4012N		5
8	IN4147	Thiết kế và tích hợp giao diện	2	15	30				5
9	IN4152N	Xử lý ảnh	3	30	30		IN4121		5
10	IN4211	Phát triển phần mềm hướng đối tượng	3	30	30		IN4119N		6
11	IN4523	Cơ sở dữ liệu phân tán	2	30			IN4107		6
12	IN4201P	Khai phá dữ liệu	3	30	30		IN4304		6
13	IN4308	IoT và ứng dụng	3	30	30		IN4304		6
14	IN4309N	Lập trình Web ASPX	3	30	30		IN4107 IN4121		6
15	IN4142P	Quản trị hệ thống mạng Windows	3	30	30		IN4146		6
16	IN4151	Xây dựng ứng dụng phân tán	2	20	20		IN4119N IN4523		7
17	IN4209	Truyền thông đa phương tiện	3	45					7
18	IN4228N	BlockChain và ứng dụng	3	30	30		IN4119N		7
19	IN4514N	Lập trình Web MVC	3	30	30		IN4309N		7
20	IN4171N	Thị giác máy tính	3	30	30		IN4152N		7
21	IN4203	Lập trình cho thiết bị di động	3	30	30		IN4128P IN4119N		7
22	IN4502N	Lập Trình Web PHP	3	30	30		IN4107 IN4121		7
23	IN4175N	Máy học ứng dụng	3	30	30		IN4304 IN4201P		7
24	IN4504	An ninh mạng	3	30	30		IN4142P		7
25	IN4167	Lập trình mạng	2	20	20		IN4119N		7
III. Khối kiến thức thực hành nghề nghiệp			**15**						
1	IN4491	Thực tập cơ sở	6		180		IN4146 IN4119N		6
2	IN4421	Thực tế ngành CNTT	1		30				7
3	IN4408	Thực tập tốt nghiệp	8		240	IN4491			8
IV. Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế			**6**						
4.1. Khóa luận tốt ngiệp			**6**						
1	IN4299N	Khóa luận tốt nghiệp	6		180				8
4.2. Học phần thay thế khóa luận			**6**						
1	IN4206	Thương mại điện tử	3	30	30		IN4227		8
2	IN4205	Phát triển phần mềm mã nguồn mở	3	30	30		IN4502N		8
3	IN4525	Định tuyến mạng	3	30	30		IN4146		8
4	IN4526	Điện toán đám mây	3	30	30		IN4227		8
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHOÁ			**134**	**1770**	**1740**				
Tổng số tín chỉ điều kiện:			14						

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ TC		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
Tổng số tín chỉ tích luỹ:			120						
Tổng số tín chỉ bắt buộc:			82						
Tổng số tín chỉ tự chọn:			38						